

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1.000 đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2024	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Tổng Số		179.897,662	3.804,008	0,000	45.812,384	4.254,000	4.254,000	4.054,000	200,000
1. Công trình thực hiện Nghị quyết 05/2020 và Nghị quyết 01/2022		90.591,816	0,000		9.447,138	837,000	837,000	837,000	0,000
Công trình hoàn thành từ năm 2024 trở về trước		18.209,362	0,000		9.373,118	367,000	367,000	367,000	0,000
Xây dựng cống thoát nước từ Nhánh Giữa Kho đến ngã 3 cầu Cộng Hòa, khu phố Cửu Lợi Nam.	2022	3.883,658			2.367,905	70,000	70,000	70,000	
Cầu Bà Xạ	2022	1.391,726			1.050,172	47,000	47,000	47,000	
Nâng cấp, mở rộng bê tông tuyến đường Mai Xuân Thưởng, Lý trình: Nhà Ông Có đến nhà ông Lộc	2022-2023	3.230,284			868,636	40,000	40,000	40,000	
Hoa viên cửa ngõ xã Tam Quan Nam.	2021-2023	6.612,164			3.937,694	40,000	40,000	40,000	
Trồng cây xanh tuyến đường từ Nhánh Giữa Kho đến ngã 3 cầu Cộng Hòa, khu phố Cửu Lợi Nam.	2022-2023	726,129			350,840	40,000	40,000	40,000	
Xây dựng đèn tín hiệu giao thông ngã tư ông Hiến	2023	1.091,574			404,400	40,000	40,000	40,000	
Xây dựng điện chiếu sáng công cộng từ Chi bộ Cửu Lợi đến giáp khu phố 9 (Tam Quan)	2023	264,279			0,000	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng điện chiếu sáng từ nhà văn hóa Cửu Lợi Nam - ĐT639	2023	564,780			254,000	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng điện chiếu sáng tuyến từ nhà ông Trường đến nhà bà Nhung; tuyến từ nhà ông Có đến nhà ông Lộc	2022-2023	444,768			139,471	30,000	30,000	30,000	

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2024	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Công trình năm 2024 dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng		49.424,058	0,000	0,000	74,020	280,000	280,000	280,000	0,000
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mai Xuân Thưởng (Lý trình: Đường kết nối đến nhà bà Ha)	2024-2025	10.655,739				50,000	50,000	50,000	
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ngã ba bà Xê đến cầu chợ Cầu	2024-2025	8.655,692				30,000	30,000	30,000	
Thảm nhựa tuyến đường Võ Văn Kiệt	2024-2025	12.850,297			30,682	40,000	40,000	40,000	
Thảm nhựa tuyến đường Cao Thắng; tuyến ngã tư ông Hiến đến bà Nhung	2024-2025	1.965,196			5,301	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng Cầu bà Nhượng	2024-2025	1.348,439			4,320	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng Cầu Thầy Mười	2024-2025	2.493,404			6,143	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng Cầu Soi	2024-2025	11.035,000			27,574	50,000	50,000	50,000	
Xây dựng điện chiếu sáng tuyến đường cầu bà Xạ đến bà Hoàn	2024	420,291				20,000	20,000	20,000	
Công trình chuyển tiếp sang năm 2025		22.958,396				190,000	190,000	190,000	0,000
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nguyễn Trân (Lý trình: Cầu Cộng Hoà đến giáp Thái Lợi)	2024-2025	4.257,293				30,000	30,000	30,000	
Cầu ông Bỏ		14.000,000				30,000	30,000	30,000	
Xây dựng điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Mai Xuân Thưởng (Lý trình: Đường Kết nối đến nhà bà Ha)		801,103				30,000	30,000	30,000	
Xây dựng vỉa hè (Lý trình: Nghĩa trang liệt sĩ đến chợ Ân, Ngã tư chín Hiến đến ông Trường, Ngã tư chín Hiến đến bà Nhung)		3.900,000				100,000	100,000	100,000	
Công trình khởi công mới 2025		0,000	0,000			20,000	20,000	20,000	0,000

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2024	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Trồng cây xanh tuyến đường Phạm Hùng						20,000	20,000	20,000	
2. Công trình phường thực hiện		89.305,845	3.804,008		36.365,246	3.417,000	3.417,000	3.217,000	200,000
Công trình hoàn thành từ năm 2024 trở về trước		67.094,507	2.334,227		36.063,815	1.217,000	1.217,000	1.217,000	0,000
Nạo vét phát dọn kênh mương nội đồng phường Tam Quan Nam năm 2023	2023-2024	123,727			102,261	16,000	16,000	16,000	
Sửa chữa phai ngăn mặn đuôi Sông Dừa (Cửu Lợi Nam)	2024	186,297				74,000	74,000	74,000	
Công trình Ni đường và khu dân cư tuyến đường Thái Lợi	2021	26.000,000			23.039,606	50,000	50,000	50,000	
Xây dựng đường bê tông từ cầu Bà Xạ đến nhà Bà Hoàn.	2021	2.825,521			682,543	30,000	30,000	30,000	
Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường bê tông trục chính phường (Tuyến từ ngã ba Cửu Lợi Nam -Nhánh Giữa Kho)	2021-2022	6.280,403			4.055,859	145,000	145,000	145,000	
Xây dựng taluy chống xói lở tuyến đường từ dốc ông Trận đến khu dân cư Tăng Long 2	2022	962,880			250,000	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và đường giao thông khu dân cư Sao Đêm	2022	925,352			389,451	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2022: Tuyến: Nhà ông Thao - ông Đường ; Tuyến ông Đính - ông Vương; Tuyến nhà ông Quảng đến nhà ông Chín; Tuyến Nhà ông Lợi - ông Trần Bình (Tăng Long 1)	2022-2023	483,956	92,180		122,180	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2022 Tuyến: Nhà ông Tư - ông Đạo; Tuyến nhà ông Lâm - ông Sự; Tuyến nhà ông Tánh - nhà ông Dễ; Tuyến nhà bà Xuân - nhà ông Đường (Tăng Long 2)	2022-2023	387,981	73,899		103,899	30,000	30,000	30,000	

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2024	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Bê tông GTNT năm 2022: Tuyến đường: Nhà ông Lơ - giáp tuyến đường Động Rừng (Cửu Lợi Đông); Tuyến đường: Nhà ông Hải - giáp tuyến đường động (Cửu Lợi Đông)	2022-2023	343,388	65,400		95,400	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2022 (Tuyến: Nhà ông Sơn - bà Buông; Tuyến: Nhà bà Huệ - ông Bưng; Tuyến: Nhà ông Dục đến nhà ông Sửu (núi dài); Tuyến:Nhà bà Thị Yết - ông Hải (Cửu Lợi Nam)	2022-2023	732,526	139,500		139,500	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2022: Tuyến: nhà ông Lành - nhà ông Lục, Tuyến nhà Phàn - ông Tới (Cửu Lợi Tây)	2022-2023	271,616	51,735		81,735	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2022 Tuyến đường : Nhà ông Minh - ông Khoa (46), từ nhà ông Bá - nhà ông Thanh (55m); từ nhà bà Hiệu - nhà bà Cháp (70m), từ nhà ông Luân - nhà ông Dũng (47m) (Cửu Lợi Bắc)	2022-2023	231,159	44,000		74,000	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2022: Tuyến bà Phú giáp đường Võ Văn Kiệt, tuyến bà Mai đến ông Phương	2022-2023	258,166	49,173		79,173	30,000	30,000	30,000	
Tuyến đường từ cầu Soi đến cầu Thiên Phước	2022-2023	1.199,808			750,360	30,000	30,000	30,000	
Tuyến đường từ Cầu Thiên Phước - ông Đốc	2023	917,887			37,864	40,000	40,000	40,000	
Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ nhà ông Trường - nhà bà Nhung	2022-2023	2.344,618			547,114	40,000	40,000	40,000	
Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ Chợ Cầu - Tân Mỹ	2022-2023	3.189,108			986,983	40,000	40,000	40,000	
Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ NVH Cửu Lợi Nam -ĐT 639	2022-2023	11.249,663			1.993,924	40,000	40,000	40,000	
Bê tông GTNT năm 2023 Tuyến từ nhà ông Phước đến Hà Huy Tập (Tăng Long 2)	2023-2024	187,920	35,794		35,794	40,000	40,000	40,000	

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2024	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Bê tông GTNT năm 2023 Tuyến ông Lúc đến bà Tinh, Tuyến ông Đi đến ông Hải (Tăng Long 2)	2023-2024	172,824	32,918		32,918	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2023 Tuyến Ông Xông đến ông Tàu; bà Khánh đến bà Thanh; bà Tân đến hồ tôm (Cửu Lợi Tây)	2023-2024	318,072	42,294		153,295	20,000	20,000	20,000	
Bê tông GTNT năm 2023 Tuyến từ bà Điền Thị Lơ đến tiếp đường Hà Huy Tập	2023-2024	108,012	20,573		20,573	20,000	20,000	20,000	
Bê tông GTNT năm 2023 Tuyến ông Bô đến ông Sứ; ông Minh đến ông An; ông Tấn đến bà Năm; ông Thanh đến ông Giáo; ông Bình đến bà Cúc; tuyến ông Sinh đến giáp Đỗ Thạnh	2023-2024	551,252	104,998		104,998	40,000	40,000	40,000	
Bê tông GTNT năm 2023 Tuyến ông Mười đến ông Ca, ông Ánh đến bà Thúy, ông Sơn đến bà Thân (Trung Hóa)	2023-2024	398,046	75,816		75,816	40,000	40,000	40,000	
Xây dựng điện chiếu sáng khu phố Cửu Lợi Nam	2022	1.032,915	441,797		761,797	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng điện chiếu sáng tuyến đường Đỗ Thạnh, khu phố Cửu Lợi Nam	2022	755,039	267,609		246,278	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng điện chiếu sáng công cộng khu phố Tăng Long 2	2023	910,352	384,888		204,320	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng các đèn hoa khu trung tâm hành chính phường Tam Quan Nam	2023	914,388			300,000	40,000	40,000	40,000	
Xây dựng các đèn trong khuôn viên Nghĩa trang liệt sĩ phường Tam Quan Nam	2024	853,944			0,000	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng điện chiếu sáng ngõ hẻm tuyến đường Trần Lê và Võ Nguyên Giáp	2023-2024	972,999	411,653		0,000	30,000	30,000	30,000	
Xây dựng các Panô chỉnh trang đô thị năm 2024	2024	300,660			0,000	30,000	30,000	30,000	
GPMB Xây dựng khu dân cư phường Tam Quan Nam năm 2024 (đợt 1)	2024	91,364			89,571	2,000	2,000	2,000	

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2024	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Xây dựng một số phòng làm việc UBND phường Tam Quan Nam.	2022	612,664			506,603	30,000	30,000	30,000	
Công trình năm 2024 dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng		8.770,338	1.469,781	0,000	301,431	490,000	490,000	310,000	180,000
Nạo vét kênh mương năm 2024	2024	140,000				40,000	40,000	40,000	
Bê tông GTNT năm 2022 Tuyến đường : Vô sân vận động phường Tam Quan Nam; Tuyến đường: nhà bà Đề - ông Bình (Trung Hóa); Tuyến đường: từ nhà ông Châu đến nhà ông Khánh (Trung Hóa)	2022-2023	337,255	44,270		44,270	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2023: Tuyến nhà ông Nhiều đến nhà ông Quy, nhà ông Đi đến nhà ông Kiếm (Tăng Long 1)	2023-2024	293,717	55,945			20,000	20,000		20,000
Bê tông GTNT năm 2024: Tuyến từ nhà ông Bá đến ông Cồn, từ bà Chim đến bà Phân, từ ông Dương đến ông Tám, từ ông Số đến ông Lòi, từ bà Hành đến ông Ứng (Tăng Long 1)	2024-2025	324,192	61,750			30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến đường ông Tài - ông Lý, ông Hiền - ông Chí, ông Tốt - bà Trắc, bà Tâm - ông Dùm, ông Hợp - bà Hà, ông Cảnh - bà Giáp, ông Cư - ông Bàn (Tăng Long 2)	2024-2025	438,577	83,537		83,537	30,000	30,000	30,000	
Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến từ nhà bà Dưỡng đến bà Thi, tuyến trước Đình đến nhà ông Quốc, từ nhà ông Cảnh đến Ông Liêm (Trung Hoá)	2024-2025	156,187	29,749			20,000	20,000		20,000
Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến Từ Cầu Bà Xạ Đến Cầu Bà Cừ (Trung Hóa)	2024-2025	211,984	40,377			20,000	20,000		20,000
Bê tông GTNT năm 2024Tuyến kết nối Hà Huy Tập đến ĐT 639, từ nhà ông Thê đến ĐT 639 (Cửu Lợi Đông)	2024-2025	161,747	30,808			20,000	20,000		20,000

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2024	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến nhà ông Gia đến ông Đô, từ nhà ông Cư đến bê tông chợ Cầu, từ cầu Dân Sinh đến nhà bà Mạnh (Cửu Lợi Tây)	2024-2025	179,391	34,169			20,000	20,000		20,000
Bê tông GTNT năm 2024 Tuyến đường ông Nghè đến bà Như, ông Thu đến ông Búp, bà Thúy đến ông Hộ, ông Đức đến ông Bảy, ông Tân đến ông Thành (Cửu Lợi Nam)	2024-2025	435,146	82,884			40,000	40,000		40,000
Xây dựng hạ tầng khu dân cư khu phố Tăng Long 2	2023-2024	682,978			50,624	50,000	50,000	50,000	
Xây dựng điện chiếu sáng khu phố Trung Hóa	2024-2025	976,612	411,161			20,000	20,000		20,000
Xây dựng điện chiếu sáng công cộng tuyến đường Nguyễn Xuân Nhĩ (Trung Hóa)	2024-2025	1.096,552	462,133			20,000	20,000		20,000
Chỉnh trang khuôn viên chợ Ân	2024-2025	133,000	133,000		123,000	10,000	10,000	10,000	
Nâng cấp, cải tạo sân nền nhà văn hoá khu phố Cửu Lợi Nam, Cửu Lợi Tây, Tăng Long 2, sân nền bóng chuyền Trung Hóa	2024-2025	1.023,000				40,000	40,000	40,000	
Tu bổ, chỉnh trang UBND phường	2024-2025	1.080,000				30,000	30,000	30,000	
Tu bổ, chỉnh trang nhà văn hóa của 6 khu phố	2024-2025	1.100,000				50,000	50,000	50,000	
Công trình chuyển tiếp sang năm 2025		13.441,000				730,000	730,000	710,000	20,000
GPMB Tuyến đường Cửu Lợi, phường Tam Quan Nam	2024-2025	12.441,000				30,000	30,000	30,000	
Xây dựng các tuyến đường bê tông giao thông ra biển						30,000	30,000	30,000	
Xây dựng điện chiếu sáng khu phố Tăng Long 1		1.000,000	500,000			20,000	20,000		20,000
Xây dựng các Vòm đèn hoa khu hành chính phường						50,000	50,000	50,000	

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến hết 31/12/2024	Dự toán năm 2024			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Khu dân cư ngã ba đường Thái Lợi và Cừ Lợi						300,000	300,000	300,000	
Xây dựng khu dân cư Sao Đêm (Giai đoạn 2)						300,000	300,000	300,000	
Công trình khởi công mới 2025		0,000	0,000	0,000	0,000	980,000	980,000	980,000	0,000
Nạo vét kênh mương năm 2025						30,000	30,000	30,000	
Đăng ký 3,5 km bê tông GTNT năm 2025						30,000	30,000	30,000	
GPMB Đường kết nối						200,000	200,000	200,000	
Xây dựng điện chiếu sáng ngõ hẻm tuyến đường Võ Văn Kiệt (Tăng Long 1)						20,000	20,000	20,000	
Xây dựng điện chiếu sáng khu phố Cừ Lợi Tây						20,000	20,000	20,000	
Xây dựng điện chiếu sáng khu phố Cừ Lợi Đông						20,000	20,000	20,000	
Xây dựng điện chiếu sáng khu phố Cừ Lợi Bắc						20,000	20,000	20,000	
Xây dựng các Panô chỉnh trang đô thị năm 2025						20,000	20,000	20,000	
Xây dựng các điểm khu dân cư năm 2025						100,000	100,000	100,000	
Xây dựng hạ tầng khu dân cư ngã ba đường Thái Lợi và Cừ Lợi						200,000	200,000	200,000	
Xây dựng điện chiếu sáng ngõ hẻm khu phố Cừ Lợi Nam (Giai đoạn 2)						100,000	100,000	100,000	
Lắp đặt hệ thống camera an ninh						100,000	100,000	100,000	
Lắp đặt máy lạnh các phòng làm việc cơ quan						120,000	120,000	120,000	